

Peru, Lan và Quê Hương

Chuông điện thoại reo vang, đầu giây bên kia, tiếng Tom Biggart đã vang vang trong máy:

“Thứ Bảy này bạn có rảnh hay không? Xuống chơi đi, chúng tôi có vài mục rất đặc biệt dành cho bạn.”



Tôi hỏi là mục gì? Tom chưa kịp trả lời, Neal, vợ anh ta đã giằng lấy máy:

“Cứ xuống đi rồi sẽ rõ, cam đoan anh sẽ hài lòng.”

Tôi nhận lời, song vẫn thắc mắc không hiểu đó là chuyện gì? Giữa chúng tôi và vợ chồng Neal & Tom Biggart có gì khác hơn là chuyện về hoa lan. Neal và Tom đều là giáo sư đã về hưu từ mấy năm nay, họ ở San Diego nhưng không phải ở trong thành phố mà là trong một khu đồi rậm rạp hoang dã, đường đi vào có tên là Rặng ổi (Guava Lane),

chật hẹp, quanh co. Chúng tôi quen biết nhau từ lâu, qua việc mua những giống lan khác lạ và đã cùng nhau đi Úc Châu thăm lan rừng vào tháng 9 năm 2005 (mùa Xuân tại Úc).

Những lúc len lỏi trong rừng cây rậm rạp hoặc nghỉ chân bên giòng suối vắng, chúng tôi đã cùng nhau chuyện trò thân mật. Khi nghe tôi nói về hoa lan ở Sapa và Kon Tum, Pleiku, Tom rất nóng lòng muốn đến thăm, trong khi đó Neal lại quá chú trọng đến những lò gốm Bát Tràng. Nàng mê thích đồ gốm, nên trong nhà ngổn ngang những sản phẩm và dụng cụ và có tới 3 chiếc lò nung đất. Chúng tôi hẹn nhau sẽ về Việt Nam, nhưng chuyện không thành vì thời gian thuận tiện cho tôi, họ còn đang dạy Anh ngữ bên Trung Quốc. Thế rồi chuyến đi Brasil vào cuối tháng 8 vừa qua, tôi cũng bỏ lỡ dịp may không theo họ được.



Khi tới nơi, đã quá 12 giờ, vì khá lâu không xuống nên lạc đường phải vòng đi lộn lại. Một bàn ăn đã dọn sẵn, mùi thịt nướng thơm lừng. Tom đang nướng thịt trong lò, khói lam quần trong vòm cây xanh ngắt đan cảnh với nhau. Neal với chiếc khăn đỏ búi ngược trên đầu, dáng người cao lớn chạy ra ôm chầm lấy tôi, miệng hỏi:

“Sao đến trễ vậy? Chúng tôi đang chờ anh! Tôi có chai O' Douls ướp lạnh cho anh đó!”

Giữa lúc đó một người đàn bà da trắng từ trong nhà bước ra với chai bia không cồn và chiếc ly đầy đá. Neal giới thiệu:

“Jane, bạn tôi và đây là Daniel, người tôi đã nói chuyện với bạn.”

Chúng tôi bắt tay nhau và trao đổi vài câu xã giao thường lệ. Tiếng Tom oang oang:

“Xin hãy vào bàn, tôi quá đói gần muốn xỉu rồi đây.”



Vào bàn ăn, Tom cho biết tháng tới sẽ có một chuyến viếng thăm Peru. Chúng ta sẽ đi thăm vài vườn lan và đặc biệt là những thắng cảnh ở nơi này. Nhân dịp này chúng ta sẽ đến thăm Moyobamba and Chachapoyas ở gần nông trại của Faustina Medina Bautista, nơi đã tìm ra cây lan *Phragmipedium kovachii* vào tháng 10 năm 2001.

Neal ngắt lời:

“Chuyện thứ hai là tôi muốn giới thiệu anh với Jane, người bạn rất thân, nhưng mới gặp lại đây thôi.”

Tôi lặng lẽ quan sát người đàn bà đối diện. Thực là khó lòng đoán tuổi một phụ nữ Hoa Kỳ, người này khoảng trên dưới 60. Tầm thước, chứ không to lớn như Neal, cao 5’6” là cùng, nước da trắng, đôi mắt xanh lơ như mắt mèo, ăn nói nhỏ nhẹ như người Á Đông. Neal nói tiếp:

“Tôi và Jane là bạn thân từ khi còn ở Trung học, nhưng từ khi chúng tôi lấy chồng, rồi chồng nó nhập ngũ rồi chết ở Việt Nam và chúng tôi mất liên lạc.”

Câu chuyện xoay quanh người chồng xấu số và chiến tranh Việt Nam. Nhưng Tom đã ngắt giọng:

“Cuộc chiến tại Việt Nam đã qua từ lâu, chúng ta không nên nhắc lại làm gì cho thêm đau lòng và hãy nên bàn về chuyến du hành sắp tới. Đây Jane, chị có đi với chúng tôi hay không? Chúng cần phải có số người chẵn để giảm bớt chi phí tiền phòng.”

Jane gật đầu đồng ý. Sau khi ăn, lấy lý do chỉ cho tôi bộ đồ trà mới làm theo mẫu mã Việt Nam tôi đã tặng khi trước, Neal kéo tôi ra thì thầm:

“Đây có muốn làm bạn với Jane không? Khi nói về anh, nó tỏ vẻ thích thú hỏi han đủ chuyện. Anh thấy nó ra sao? Tội nghiệp! Anh chồng sau này của nó bỏ đi theo thằng lại cái! Con cái không có, nó sống một mình như cái bóng ma. Nhà có vườn rộng, nhưng không biết trồng cây. Thích nấu ăn, nhưng ăn một mình. Anh có nhận ra không? Biết hôm nay có anh xuống, nó ướp thịt nướng với xả ớt! Nó có nhiều sở thích giống anh, thích vẽ nhưng chẳng có bức nào ra hồn. Làm bạn với nó đi rồi về đây ở, chúng ta sẽ cùng nhau du ngoạn khắp nơi cho hết cuộc đời này.”

Tỏ lời cảm ơn Neal đã giới thiệu, có gì đâu mà phải suy nghĩ tính toán. Tôi là một ông già vô gia cư điển sản (pennyless và homeless) học hành dang dở, ngôn ngữ cũng dở dang, chuyện chính là Jane chứ không phải là tôi. Neal nói tiếp:

“Như vậy là xong rồi, anh cứ yên trí và tin vào tôi.”

Hai hôm sau tôi điện thoại thăm Jane, nàng mừng rỡ, chuyện trò vui vẻ và tỏ ý mong muốn gặp lại trong chuyến đi sắp tới. Nàng hỏi tôi cây lan nữ hài *Phragmipedium kovachii* có gì đặc biệt hay không mà chúng tôi lại phải lặn lội đường xa như vậy. Tôi tóm tắt cho nàng biết câu chuyện như sau.



Tháng 5 năm 2002, James Michael Kovach một cư dân của tiểu bang Virginia du hành sang Peru và đến El Progreso một thành phố ở miền bắc Peru. Tại đây một người bản xứ bán cho anh ta 3 chậu lan Phragmipedium lạ lùng, hoa rất lớn và màu sắc lại quá đẹp đẽ. Kovach mang về Miami 300 cây lan kèm theo cây lan mới lạ. Sau đó anh ta mang cây lan này đến vườn cây Marie Selby tại Sarasota, Florida, để xin nhận diện. Vào tháng 6 năm 2002, J. Y Atwood, S. Dalstrom và Hernandez, những chuyên gia về lan của vườn cây, công bố trong bản Selbyana một cây lan mới lạ được đặt tên là Phragmipedium kovachii theo lời yêu cầu của chủ nhân: Kovach.

Vài ngày sau, cũng cây lan đó nhưng mang tên Phragmipedium peruvianum do Eric Christenson, một chuyên gia lỗi lạc của hội Hoa Lan Hoa Kỳ, được công bố trên tờ nguyệt san Orchids tháng 7 năm 2002. Theo các chuyên gia tên peruvianum không được coi là một tên hay vì trước đó đã có một cây được đặt tên như vậy, nhưng sau đã đổi thành Phragmipedium richteri.

Ngày 20 tháng 6 năm 2002. vườn thảo mộc Mary Selby gặp rắc rối. Chính phủ Peru yêu cầu Sở cá thú hoang dã Hoa Kỳ (U.S Fish and Wildlife Department) mở một cuộc điều tra. Kovach bị buộc tội nhập cảnh cây lan đã được chính phủ Peru bảo vệ và cấm xuất cảnh. Công ước quốc tế về buôn bán các giống và cây cỏ có nguy cơ tuyệt chủng, CITES, cũng đã cấm xuất cảnh tất cả các cây Phragmipedium.

Sau 2 năm điều tra và ra tòa mấy lần (Xin xem chi tiết trong bài “Những Vụ Án Hoa Lan”) ngày 10 tháng 6 năm 2004, tòa án ở Tampa, Florida, đã phạt Kovachi \$1000 USD và 2 năm tù treo vì đã vi phạm luật lệ mang từ Peru vào Hoa Kỳ những giống có nguy cơ tuyệt chủng được bảo vệ bởi CITES mà Hoa Kỳ là một thành viên đặc lực nhất.

Tháng 11 năm 2006, có một đề nghị xin bác bỏ tên Phragmipedium kovachii, nhưng không được chấp thuận.

Chuyến du hành được thực hiện vào thời gian đã định. Bốn người chúng tôi đáp máy bay đến phi trường Jorge Chavez tại Lima, Peru.

Tại đây chúng tôi tới thăm vườn lan Centro Jardineria Manrique của Alfredo Manrique, người được INRENA, (Peru Agency for National resources) cấp giấy phép vào rừng lấy 5 cây *Phragmipedium kovachii* về nuôi trồng và nhân giống. Vườn lan này đã thành công và cây ra hàng trăm chai chứa những cây nguyên giống (specie) và lai giống (hybrid) nở ra từ hạt được nuôi dưỡng. Hiện nay những cây lan nhân giống tại vườn lan này được bán ra hợp pháp tại chỗ và tại hai tổ hợp ở Hoa Kỳ và Canada:

- * Piping Rock Orchids, 2270 Cook Road - Galway - New York 12074-2608,ĐT: 518-882-9002 hay email: PipingRock@aol.com
- * Green Canyon Orchids, Canada email: orchids@golden.net



Chúng tôi không đi El Progreso nữa, vì nghe nói sau khi bài viết về cây lan *Phragmipedium kovachii* của giáo sư Koopowitz đăng trên tờ Orchid Digest, lan rừng ở đây bị bóc nhẵn không còn một cọng.

Đáp máy bay nhỏ đi Moyobamba. nơi mệnh danh là thành phố của hoa lan vì nơi đây hoa lan mọc đầy rừng. Thành phố này nằm ở phía Bắc Peru, xứ sở của 3,500 giống lan đủ loại, chưa kể đến những giống còn nằm trong rừng thẳm của dãy núi Andes. Dãy núi này chạy qua 7 nước, dài chừng 7,000 cây số, có nơi rộng đến 500 cây số và chiều cao trung bình là 4,000 thước.



Moyobamba thành phố của 50,000 dân, nằm trên cao độ 860 thước. Mới vào thành phố đã có một tượng đài mang hình 2 cây lan hiếm quý: *Phragmipedium kovachii* và *Phragmipedium longifolium* và một tượng đài khác có hình hoa lan *Cattleya rex* một giống lan trắng lưỡi tím khá phổ thông tại Peru. Lan ở đây mọc gần như khắp nơi, trên các cành cây trên đường phố cũng như ven rừng, ven suối. Chúng tôi mặc sức ngắm lan từ trong khách sạn, nhà hàng cho đến công viên hay vườn trong nhà dân chúng. Hai hôm sau chúng tôi

xuống thuyền xuôi theo giòng sông Tioyacu, viếng thác nước Ahuaszhiyacu trong rừng thẳm và thác Gera từ trên 120 thước đổ xuống thành 3 giòng khác nhau. Chúng tôi cũng phải đu giây vượt qua vực thẳm để sang bờ bên kia.

Người hướng dẫn cho biết gần đây có một vườn lan và hồ sản xuất loại cá rồng (ariwana) do một người đàn bà người Việt nam làm chủ. Một người đàn bà Việt ở một nơi xa lạ này là một động cơ thôi thúc trí tò mò của tôi. Qua một chiếc cầu gỗ chênh vênh bắc qua giòng suối, chúng tôi bước vào một trang trại nhỏ nằm cheo leo bên sườn núi. Cảnh trí thật nên thơ, người hướng dẫn và người đàn bà trao đổi với nhau một tràng thổ ngữ địa phương. Bà ta giơ tay mời chúng tôi bước vào khu vườn chỉ chít những hoa lan. Trên thân cây ngay lối vào, trước hàng hiên, dọc theo lối đi những thân cây to lớn được cưa ra và trồng đủ thứ lan trên đó.

Chúng tôi chia nhau dạo quanh vườn ngắm những tranh ảnh hoa lan và cá phù kín bức tường trong nhà. Từ lúc gặp mặt, tôi vẫn giữ thái độ im lặng để quan sát người đàn bà đồng hương đó. Bà ta hay cô ta chừng 60 tuổi, da hơi ngăm đen con mắt lá rằm, lông mày không phải là lá liễu mà là một vệt nằm ngang, đôi môi mỏng dính hình như tôi đã thấy ở một người nào đó. Tầm thân thon gọn nhẹ nhàng, hai bàn tay hơi thô, chứng tỏ một người năng động không chịu ngồi yên. Thừa dịp mọi người bước ra vườn sau xem hồ cá, tôi tiến lại gần và nói nhỏ:



“Chào cô! Cô ở đây lâu chưa?”

Cô ta giật mình đáp:

“Trời ơi! Tôi cứ tưởng ông là người Hàn Quốc!”

Hàn Quốc? Tại sao bất cứ người đồng hương nào gặp tôi dù ở Thái Lan hay bên quê nhà cũng tưởng tôi là người Hàn Quốc, mặc dầu soi gương ngắm đi nhìn lại tôi chẳng có nét gì giống mấy ông bạn Đại Hàn cả. Bỏ mặc mấy người bạn Hoa Kỳ, cô ta mời tôi ngồi bên khay trà có lẽ đã từ lâu không dùng tới. Sau khi cho biết từ Mỹ đến, tôi hỏi cô ta làm sao lại lưu lạc tới chốn này? Cô ta cho biết như sau:

“Em là Phạm thị Lan, quê ở Thanh Miện, Hải Dương, ông có biết tỉnh Hải Dương không? Vào năm 1956 gì đó, gia đình em dù rằng chỉ có hơn chục mẫu ruộng cũng bị đem ra đấu tố. Khi đó em mới 6-7 tuổi nhưng em còn nhớ như in, họ lối thầy mẹ em ra đình làng, trói chặt vào cọc gỗ, dựng lên những tội không đâu rồi hô hào mọi người ném đá. Thầy em bị mù một mắt và gãy một cánh tay. Mẹ em mất hết hàm răng cửa và toàn thân đẫm máu. Sau trận đấu tố, thầy em trở



Prosthechea vespa

thành người tàn phế không làm ăn gì được. Gia đình chúng em bị họ hàng, dân làng khinh khi ruồng bỏ, mặc dầu cũng có một vài người thương xót, nhưng ai ai cũng sợ liên lụy bị vạ lây nên tránh chúng em như tránh bọ cùi hủi.”

Đưa tay chùi nước mắt, người đàn bà kể tiếp:

“Sau đó, có chính sách sửa sai, gia đình chúng em mới dễ thở. Năm 1969, có phong trào đi B (Nam bộ), người yêu của em và vài người trong làng xung phong đi rồi bần bật tin tức. Năm sau, em cũng xin đi, thực sự mà nói em chẳng biết có Mỹ Ngụy bóc lột, đàn áp dân chúng miền Nam hay không, nhưng ở nhà đói quá, không biết lấy gì mà sống. Theo chân bộ đội tuy nguy hiểm nhưng ít ra cũng có cái ăn. Chúng em khi là văn công, khi tải thương, khi khuân vác tất cả những gì làm được để phục vụ chiến trường.



Đến khi giải phóng em được chỉ định làm trong một nông trường nuôi bò bên núi Trường sơn, nơi đây có người cố vấn Cu ba. Em được trên điều động phục vụ cho đồng chí này. Ngày ngày sau khi trông nom đàn bò, chúng em vào rừng kiếm hoa lan, rồi em đem lòng yêu thương đồng chí đó. Chúng em có đám cưới đám hoàng và năm sau, khi mãn nhiệm anh ta mang em về nước. Sau đó anh ta được chuyển sang công tác tại Peru. Nhưng không may chẳng bao lâu, anh ta bị trọng bệnh và để lại em bơ vơ nơi đất khách với cái bào thai trong bụng. Một người bạn bản xứ thương tình và nuôi em cho tới khi mẹ tròn con vuông. Sau đó cùng em gả nghĩa và em lại có thêm đứa con thứ hai.”

Hỏi thăm cô đã về thăm quê nhà hay chưa.

“Năm năm trước đây, em có dắt đứa con lớn về thăm quê hương. Thầy mẹ em đã mất từ lâu vì quá già yếu và vì thiếu thuốc men, thiếu ăn, thiếu mặc. Anh em của em, kẻ lưu lạc phương xa, người đã mất, ai còn lại cũng nghèo khó, túng quẫn. Họ hàng trước kia khinh rẻ chúng em, ngày nay vui vẻ chào đón, tay bắt mặt mừng, ninh bợ đủ điều, xin xỏ đủ thứ. Không có tiền cho, họ liền trở mặt. Ngán ngẫm cho tình đời, còn đồng nào em cho anh em bằng hết rồi dắt con trở lại nơi này. Nhưng số em vất vả, người chồng thứ nhì cũng bị ung thư và chết vào năm ngoái.

Khi còn công tác ở dọc dãy Trường sơn chúng em trèo cây hái lan để vui chơi sau đó đem tặng cho các Thủ trưởng và được tặng lại khi thể đường, khi gói trà. Hòa bình trở lại, khu rừng chung quanh nông trường là nơi dân chúng không được phép lai vãng, cho nên hoa lan khá nhiều và cũng bán được tiền.

Đến khi tái giá, ông chồng mới của em là viên chức của sở nông nghiệp, cho nên em có thể vào rừng kiếm lan thỉnh thoảng bán cho khách du lịch chứ dân ở đây ai thèm mua lan. Chúng em nuôi thêm cá rồng, cá kiểng nên cũng dư ăn dư mặc.”

Hỏi rằng bây giờ cô ta có ý định trở về quê cũ hay không? Nước mắt lưng tròng cô ta đáp:

“Ông ơi! Ai mà không nhớ đến cội nguồn, không nhớ đến chốn xưa quê cũ? Nhưng mà kỳ vừa rồi trở về, em không còn thấy đó còn là quê hương như em hằng mong tưởng nữa. Cha mẹ, anh em không còn. Tất cả đã thay đổi, nhưng con người thay đổi quá nhiều. Lê nghĩa liêm sĩ hình như đã mất gần hết, người ta giành giật, lừa dối nhau vì chút tư lợi nhỏ. Tình thương được đánh giá bằng đồng tiền nhiều hay ít. Quê hương là chum khế ngọt, nhưng nếu không tiền, khế trở nên chua lôm, chát xít.

Nghĩ cho cùng nếu trở về, chúng em biết làm gì để sống? Ruộng vườn không có, nhà cửa cũng không mẹ con em biết làm gì để nuôi mấy miệng ăn? Buôn bán thì em làm sao có đủ mảnh mung, thủ đoạn như người ta, làm sao sống nổi. Chốn đây tuy không phải là cội nguồn, gốc rễ, nhưng là nơi mẹ con em còn vương nhiều ân tình, kỷ niệm với người chồng cũ và người chồng vừa quá cố. Các con em sinh ra và lớn lên tại đây. Chúng nó không biết chút gì về Việt Nam cả, ngay cả tiếng nói và đời sống chúng hoàn toàn là người Peru. Hơn nữa những người ở đây, không ai coi chúng nó là người Cu Ba hay Việt Nam gì cả. Và lại đứa lớn của em sắp sửa ra kỹ sư canh nông và đứa nhỏ mới vào trung học. Nếu em mang chúng nó trở về quê cũ thì cũng như nhỏ cái cây đang mọc xanh tốt ở đây mà đem trồng ở một nơi đất cát cằn cỗi và khí hậu hoàn toàn khác biệt thì có khác gì giết chết chúng nó hay không?”

Giọng nói nghẹn ngào, sùi sụt cô ta nói tiếp:

“Thôi thì số kiếp em nó vất vả như vậy em đành chấp nhận. Bỏ xác nơi đây hay bỏ xác trên đường Trường sơn nào có khác gì nhau? Còn ông thì sao? Sao ông có định trở về Việt Nam hay không?”

Chưa kịp trả lời thì Jane đã chạy vào hỏi:

“Hai người nói chuyện gì mà lâu vậy?”

Nhưng khi nhìn thấy người đàn bà mắt còn đỏ ngầu và vương giọt lệ, nàng vội vàng kéo tôi ra ngoài...

Trên đường trở về Hoa Kỳ, Jane hỏi tôi chuyện gì mà người đàn bà lại rơi nước mắt. Tôi giải thích qua loa rồi nhắm mắt làm như buồn ngủ. Chuyện người đàn bà Việt lạc lõng ở một miền rừng núi Peru làm cho tôi không khỏi mũi lòng thương xót nhưng đã giúp cho tôi một nhận định quý báu, một câu trả lời chính đáng cho bản thân mình.

Xưa kia những người già cả trên 60 tuổi thường có khuynh hướng muốn trở về nơi chôn rau cắt rốn, sống cho đến hết những tháng ngày còn lại, để gặp họ hàng ruột thịt thân yêu hoặc tìm lại những kỷ niệm khi còn thơ ấu. Vì vậy có câu “Cáo chết 3 năm vẫn quay đầu về núi.” Nhưng trường hợp của tôi lại khác, cha mẹ anh em chẳng còn, ngay cả người vợ thân yêu đã cùng tôi chia ngọt sẻ bùi, cùng nhau sống tại quê hương trong những ngày tháng tối tăm nhất của cuộc đời cũng đã bỏ tôi về bên kia thế giới.

Năm 2005, khi tôi trở về làng cũ, chỉ còn 2 ông anh họ, một người đã gần 90 bắt đầu lú lẫn. Ông kia tròn tròn 80 tuổi, tai nghe nghễnh ngãng 99% dân làng chỉ biết tôi là một ông già Việt Kiều. Khu nhà tôi ở, xưa kia gồm một ngôi nhà 2 tầng, 2 nhà gạch, một giấy nhà ngang và chuồng trâu, chuồng lợn nay không còn một viên gạch, không còn một chút dấu vết cũ xưa. Qua hàng



giậu thừa, tôi chỉ còn thấy một đám khoai sọ mọc xanh rờn, mấy mái nhà tranh san sát và đám cây lạ hoắc. Đâu còn những hình ảnh thân thương, chỗ đám khoai trước kia là chiếc sân gạch menh mông dùng để phơi lúa, có lúc bộ đội dùng làm sa bàn để tập trận tấn công đồn Chợ Thi. Ngôi nhà thấp lè tè hiện tại, trước kia là ngôi nhà thờ 3 gian 2 trái, trước cửa là hàng hiên với 7 bậc thềm chiều ngang chừng 10 thước có hai con sấu ở hai đầu, trên là giàn hoa thiên lý. Vợ tôi vẫn hái hoa nấu với cua đồng hoặc lấy lá non nấu canh với cá rô, cá diếc. Chỗ khóm cây chuối kia, trước là phòng ngủ của vợ chồng tôi, ngày tân hôn có tấm màn the xanh màu mạ non và cảnh hoa mai trắng xóa bên cửa sổ. Đây cũng là nơi đứa con gái đầu lòng của chúng tôi cất tiếng khóc chào đời... Nơi đó, hiện nay có 7-8 gia đình sống chen chúc. Tất cả đều thay đổi, kỷ niệm đẹp đẽ khi xưa đã biến mất theo thời gian gần nửa thế kỷ. Quê hương yêu dấu của tôi chỉ còn sót lại chiếc ao 1 mẫu trước lối vào nhà, cái giếng nước và cây gạo căn cỗi ven đường.

Như vậy, có còn gì đâu để cho tôi trở về sinh sống? Ngoại trừ ngôi mộ của ông bà tôi và người bác ruột đã mất trước khi tôi sinh ra đời. Mấy ngôi mộ bây giờ chẳng qua chỉ là vài nắm xương tàn, một chút di vật còn lại của ông bà và bác tôi mà thôi.

Ngày nay các con cháu của tôi đã mọc rễ chùm, rễ phụ ở trên quê hương mới, Việt Nam chỉ là những gì nghe cha ông kể lại. Chúng chẳng thấy đâu là kỷ niệm êm đẹp, thân thương, mà toàn là những cảnh nòi da nấu thịt. Khi xem cuốn DVD nếu không phải là những cảnh chiến tranh, chạy loạn, di tản hãi hùng thì lại là những cảnh ăn chơi quá đáng trái ngược hẳn với đời sống nghèo nàn lam lũ của người dân, làm chúng chán nản không muốn về chơi, chứ nói gì đến việc về sinh sống. Tình cảnh này, làm sao có tôi thể trở về quê hương cũ được? Tại đây, tôi có con cháu đầy đàn và bạn bè cũ mới. Nơi đây còn có phần mộ của cha mẹ tôi, vợ tôi và các em của tôi, chôn này dù sao cũng còn mang nặng nhiều kỷ niệm vui buồn trong thời gian non nửa cuộc đời.

Nhưng thôi, nghĩ ngợi làm chi cho hao tâm tổn trí, chẳng lâu la gì, chỉ vài ba năm nữa thôi, khi nhắm mắt xuôi tay, tôi sẽ chẳng phải bận lòng về chuyện gửi bộ xương già nơi chôn rau cắt rốn hay ở nơi đất khách, quê người hay trên quê hương mới này.

Placentia đầu năm 2008
BÙI XUÂN ĐÁNG